

[T]

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: TÍN DỤNG THANH TOÁN QUỐC TẾ
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 407/QĐ-CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022
của Trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch)*

Thái Nguyên, năm 2022
(Lưu hành nội bộ)

[Type here]

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Hoạt động tín dụng và thanh toán quốc tế đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của đất nước. Một quốc gia không thể phát triển với chính sách đóng cửa, chỉ dựa vào tích lũy trao đổi trong nước mà phải phát huy lợi thế so sánh, kết hợp giữa sức mạnh trong nước với môi trường kinh tế quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay, khi các quốc gia đều đặt kinh tế đối ngoại lên hàng đầu, coi hoạt động kinh tế đối ngoại là con đường tắt yếu trong chiến lược phát triển kinh tế đất nước thì vai trò hoạt động của tín dụng và thanh toán quốc tế ngày càng được khẳng định. Vì vậy, nghiên cứu và hiểu đầy đủ về các vấn đề tín dụng và thanh toán quốc tế như thanh toán quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái, các phương thức thanh toán quốc tế, các phương tiện thanh toán quốc tế, các hình thức tín dụng quốc tế, là một yêu cầu quan trọng đối với các học sinh, sinh viên, cán bộ nghiên cứu giảng dạy về kinh tế, kinh doanh và quản trị kinh doanh.

Nhằm tạo điều kiện cho việc giảng dạy và nghiên cứu môn học Tín dụng và thanh toán quốc tế, Bộ môn Tài chính thuộc Khoa Kế toán – Tài chính trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch đã thực hiện biên soạn cuốn giáo trình *Tín dụng và thanh toán quốc tế*. Giáo trình này được biên soạn cho việc giảng dạy các lớp thuộc ngành Kế toán doanh nghiệp hệ Trung cấp, đồng thời có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho các ngành khác của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch.

Giáo trình bao gồm các chương sau:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản trong thanh toán quốc tế

Chương 2: Tỷ giá hối đoái

Chương 3: Các phương tiện thanh toán quốc tế

Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế

Chương 5: Tín dụng quốc tế và tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu của NHTM

Trong quá trình biên soạn giáo trình này, chúng tôi đã tham khảo những tài liệu được liệt kê tại danh mục tài liệu tham khảo, nhóm tác giả đã rất cố gắng trình bày các nội dung một cách dễ hiểu và thiết thực nhất với người học và nghiên cứu. Tuy nhiên vẫn khó tránh khỏi những thiếu sót, Bộ môn Tài chính mong nhận được những ý kiến đóng góp của đồng nghiệp và bạn đọc để giáo trình hoàn thiện hơn. Mọi đóng góp xin gửi về địa chỉ: maitctmdl@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn./.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ	5
1. Thanh toán quốc tế.....	6
1.1. Khái niệm.....	6
1.2. Đặc điểm của thanh toán quốc tế	6
1.3. Vai trò của thanh toán quốc tế	7
2. Cán cân thanh toán quốc tế	7
2.1. Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc ghi chép.....	7
2.2. Nội dung của cán cân thanh toán quốc tế	11
2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cán cân thanh toán quốc tế	15
2.4. Biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế.....	15
CHƯƠNG 2: TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	18
1. Những vấn đề cơ bản về tỷ giá hối đoái.....	19
1.1 Khái niệm về ngoại hối và tỷ giá hối đoái.....	19
1.2. Phân loại tỷ giá hối đoái:	21
1.3. Ý nghĩa của tỷ giá hối đoái.....	22
1.4. Tác động của tỷ giá đến các quan hệ kinh tế quốc tế	23
2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái và các biện pháp điều chỉnh	23
2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.....	23
2.2. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái.....	26
3. Xác định tỷ giá	28
3.1. Hiểu tỷ giá	28
3.2. Phương pháp yết giá.....	28
3.3. Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo	29
4. Các hệ thống tiền tệ quốc tế chủ yếu.....	30
4.1. Chế độ bản vị vàng (Chế độ tiền tệ quốc tế Pari)	30
4.2. Chế độ bản vị đồng bảng Anh (Gienơ)	31
4.3. Chế độ bản vị đồng Đô la Mỹ (Bretton Woods).....	32
4.4. Chế độ tiền tệ Gia mai ca (SDR)	33
4.5. Chế độ Rúp chuyển nhượng (1964 – 1991).....	33
4.6. Chế độ tiền tệ Châu Âu	33
5. Chính sách điều hành tỷ giá hối đoái.....	34
5.1. Chế độ tỷ giá hối đoái.....	34
5.2. Chính sách điều hành tỷ giá	35
Chương 3: CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ	37
1. Hối phiếu (Bill of Exchange hoặc Draft)	38
1.1. Khái niệm và đặc điểm của hối phiếu.....	38
1.2. Hình thức của hối phiếu	38
1.3. Nội dung của hối phiếu.....	39
1.4. Quyền lợi và nghĩa vụ của những người có liên quan đến hối phiếu.....	41
1.5. Các nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu	42

[Type here]

1.6. Các loại hối phiếu	45
2. Kỳ phiếu (Promissory Note)	46
2.1 Khái niệm:	46
2.2. Nội dung của Kỳ phiếu:	47
3. Séc (Check).....	47
3.1. Khái niệm.....	47
3.2. Nội dung của tờ séc	47
3.3. Thời hạn hiệu lực của séc.....	48
3.4. Những người liên quan đến séc	48
3.5. Trách nhiệm kiểm tra của ngân hàng thanh toán.....	49
3.6. Phân loại séc	49
4. Thẻ thanh toán.....	51
4.1. Khái niệm.....	51
4.2. Mô tả kỹ thuật.....	51
4.3. Phân loại thẻ thanh toán	51
Chương 4: CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ.....	53
1. Chứng từ trong thanh toán quốc tế	54
1.1. Hóa đơn (invoice)	55
1.2. Các loại giấy tờ gửi hàng:	55
1.3. Các chứng từ khác	56
2. Phương thức chuyển tiền (Remittance)	57
2.1. Khái niệm:	57
2.2. Các bên tham gia trong phương thức chuyển tiền	57
2.3. Trình tự thực hiện nghiệp vụ	57
2.4. Nhận xét và trường hợp áp dụng	58
3. Phương thức ghi sổ (Open Account).....	59
3.1. Khái niệm.....	59
3.2. Trình tự thực hiện nghiệp vụ	59
3.3 Những điều cần chú ý khi áp dụng phương thức ghi sổ	59
3. 4. Nhận xét và trường hợp áp dụng.....	60
4. Phương thức nhờ thu (Collection of Payment).....	60
4.1. Khái niệm.....	60
4.2. Các bên tham gia phương thức nhờ thu	60
4.3. Các loại nhờ thu	60
5. Phương thức tín dụng chứng từ (Documentary Credit)	61
5.1. Khái niệm.....	61
5.2. Các bên tham gia trong phương thức tín dụng chứng từ	62
5.3. Nội dung của Thư tín dụng (Letter of Credit - L/C).....	62
5.4. Trình tự tiến hành nghiệp vụ phương thức tín dụng chứng từ	67
5.5. Các loại thư tín dụng thương mại.....	69
5.6. Những vấn đề cần lưu ý khi sử dụng phương thức tín dụng chứng từ	70
5.7. Sửa đổi L/C.....	73

[Type here]

5.8. Kiểm tra thư tín dụng.....	73
5.9. Bộ chứng từ thương mại.....	74
5.10. Những sai sót/bất hợp lệ khi kiểm tra bộ chứng từ	75
5.11. Nhận xét và trường hợp áp dụng.....	76
CHƯƠNG 5: TÍN DỤNG QUỐC TẾ VÀ TÍN DỤNG TÀI TRỢ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NHTM.....	79
1. Khái niệm và phân loại tín dụng quốc tế.....	80
1.1. Khái niệm tín dụng quốc tế.....	80
1.2. Phân loại tín dụng quốc tế:	80
1.3. Thời hạn tín dụng, lãi suất tín dụng và phí suất tín dụng.....	84
2. Đặc điểm chủ yếu của các loại tín dụng quốc tế	86
3. Quan hệ tín dụng quốc tế của Việt Nam	89
4. Sự cần thiết của nghiệp vụ tài trợ xuất nhập khẩu	90
5. Hoạt động tài trợ nhập khẩu của ngân hàng thương mại	91
5.1. Khái niệm tài trợ nhập khẩu.....	91
5.2. Đối tượng tài trợ tài trợ nhập khẩu.....	91
5.3. Các hình thức tài trợ nhập khẩu.....	91
6. Hoạt động tài trợ xuất khẩu của ngân hàng thương mại.....	92
6.1. Khái niệm tài trợ xuất khẩu.....	92
6.2. Đối tượng được tài trợ xuất khẩu.....	92
6.3. Các hình thức tài trợ xuất khẩu.....	93
PHẦN PHỤ LỤC	96

[Type here]

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: TÍN DỤNG VÀ THANH TOÁN QUỐC TẾ

2. Mã môn học: MH09

3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

3.1. Vị trí: Giáo trình dành cho người học trình độ Trung cấp tại trường Cao đẳng Thương mại và du lịch.

3.2. Tính chất: Giáo trình cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho người học liên quan đến thanh toán quốc tế và tín dụng quốc tế, gồm có: Cán cân thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế và tín dụng tài trợ xuất, nhập khẩu của ngân hàng thương mại. Qua đó, người học đang học tập tại trường sẽ: (1) có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; (2) dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: Tín dụng và thanh toán quốc tế là môn học mang tính thực tế và dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành kế toán doanh nghiệp. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế.

4. Mục tiêu của môn học:

4.1. Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm cơ bản về và thanh toán quốc tế.
- Nhận biết, thông hiểu khái niệm, nội dung và các nhân tố ảnh hưởng đến cán cân thanh toán quốc tế.
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về tỷ giá hối đoái.
- Mô tả được các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế,.
- Trình bày được khái niệm tín dụng quốc tế, tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu, các nghiệp vụ tài trợ xuất, nhập khẩu của ngân hàng thương mại.

4.2. Về kỹ năng:

- Xác định được tỷ giá trong các nghiệp vụ thanh toán quốc tế.
- Vận dụng các kiến thức đã học vào nghiệp vụ trong thanh toán quốc tế.
- Hoàn thiện hơn về phương pháp thuyết trình, khả năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp các vấn đề liên quan đến ngành học.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

C1- Làm việc độc lập, theo nhóm.

C2- Người học quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề về tín dụng quốc tế, thanh toán quốc tế, thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các thông tin, tích lũy các kiến thức thực tế liên quan đến môn học.

C3- Chủ động áp dụng các kiến thức đã tiếp thu vào hoạt động thực tế nghề nghiệp, có trách nhiệm với công việc.

5. Nội dung của môn học

5.1. Chương trình khung

Mã	Tên môn học	Số	Thời gian học tập (giờ)
----	-------------	----	-------------------------

[Type here]

MH		tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành /thực tập /bài tập /thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	59	1560	427	1090	43
II.1	Môn học cơ sở	12	180	170	-	10
MH07	Nguyên lý kế toán	3	45	43	-	2
MH08	Thuế	2	30	28	-	2
MH09	Tín dụng và thanh toán QT	2	30	28	-	2
MH10	Tài chính DN	3	45	43	-	2
MH11	Thống kê kinh doanh	2	30	28	-	2
II.2	Môn học chuyên môn	45	1350	229	1090	31
MH12	Kế toán doanh nghiệp	4	60	57	-	3
MH13	Kế toán TM - dịch vụ	3	45	43	-	2
MH14	Kế toán sản xuất xây lắp	3	45	43	-	2
MH15	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45	43	-	2
MH16	Kế toán DN vừa và nhỏ	3	45	43	-	2
MH17	Thực hành kế toán máy	3	90	-	86	4
MH18	Thực hành kê khai thuế	2	60	-	56	4
MH19	Thực hành tổng hợp I	4	120	-	114	6
MH20	Thực hành tổng hợp II	4	120	-	114	6
MH21	Thực tập tốt nghiệp	16	720	-	720	
II.3	Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2)	2	30	28	-	2
MH22	Thanh toán điện tử	2	30	28	-	2
MH23	Thương mại điện tử	2	30	28	-	2
	Tổng cộng	71	1815	521	1238	56

5.2. Chương trình chi tiết môn học

[Type here]

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản trong thanh toán quốc tế	5	5		0
2	Chương 2. Tỷ giá hối đoái	10	9		1
3	Chương 3. Các phương tiện thanh toán quốc tế	5	5		0
4	Chương 4. Các phương thức thanh toán quốc tế	6	5		1
5	Chương 5: Tín dụng quốc tế và tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu của NHTM	4	4		0
	Cộng	30	28		2

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về thanh toán quốc tế và tín dụng quốc tế.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng thương mại và du lịch như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	

[Type here]

+ Điểm thi kết thúc môn học

60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/Trắc nghiệm/ Báo cáo	
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/Trắc nghiệm/ Báo cáo	Sau 14 giờ Sau 25 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng trung cấp kế toán doanh nghiệp

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

* **Bài tập:** Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- **Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập. Nếu người học vắng >20% thời gian học theo CTMH phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.**

- Tự học và thảo luận nhóm: Là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

[Type here]

9. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Thanh toán quốc tế, PGS - TS. Trần Hoàng Ngân, NXB Thống kê năm 2017.
- Thanh toán quốc tế, GS - NGUYỄN Đình Xuân Trình, NXB Thống kê năm 2018.
- Điều lệ và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ UCP600.
- Luật thống nhất về hối phiếu 1930.
- Quy tắc thống nhất về nhò thu, quy tắc thống nhất tín dụng chứng từ...

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

♣ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Chương 1 là chương giới thiệu tổng quan về thanh toán quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế, các điều kiện thanh toán quốc tế

♣ MỤC TIÊU CHƯƠNG 1

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

+ Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò của thanh toán quốc tế
- Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và nguyên tắc ghi chép cán cân thanh toán quốc tế.
- Trình bày được nội dung, các nhân tố ảnh hưởng và các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế.
- Mô tả được các điều kiện trong thanh toán quốc tế, vận dụng giải quyết các bài tập tình huống.

+ Về kỹ năng:

- Hoàn thiện hơn về phương pháp thuyết trình, khả năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp các vấn đề.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập, theo nhóm.
- Người học quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề về thanh toán quốc tế và cán cân thanh toán quốc tế, thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các thông tin, tích lũy các kiến thức thực tế liên quan đến môn học.
- Chủ động áp dụng các kiến thức đã tiếp thu vào hoạt động thực tế nghề nghiệp, có trách nhiệm với công việc.

♣ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

♣ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

[Type here]

♣ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

+ Nội dung:

- ✓ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- ✓ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- ✓ Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

+ Phương pháp:

- ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)
- ✓ **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** không có

♣ NỘI DUNG CHƯƠNG 1

1. Thanh toán quốc tế

1.1. Khái niệm

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu như hiện nay, các mối quan hệ kinh tế, chính trị thương mại ngày càng phát triển mạnh mẽ và kết quả là hình thành nên các khoản thu và chi tiền tệ quốc tế giữa các đối tác ở các nước khác nhau. Các mối quan hệ tiền tệ này ngày một phong phú, đa dạng với quy mô ngày càng lớn. Chúng góp phần tạo nên tình trạng tài chính của mỗi nước, có thể ở trạng thái bội thu hay bội chi. Trong các mối quan hệ quốc tế, các đối tác ở các nước khác nhau, do vậy có sự khác nhau về ngôn ngữ, cách xa nhau về địa lý nên việc thanh toán không thể tiến hành trực tiếp với nhau mà phải thông qua các tổ chức trung gian, đó chính là các ngân hàng thương mại cùng với mạng lưới hoạt động khắp nơi trên thế giới.

Thanh toán quốc tế đã ra đời từ lâu, nhưng nó mới chỉ phát triển mạnh mẽ vào cuối thế kỷ 20 khi mà khối lượng mua bán, đầu tư quốc tế và chuyển tiền quốc tế ngày càng gia tăng, từ đó làm cho khối lượng các giao dịch thanh toán qua ngân hàng cũng tăng theo. Việc thanh toán qua ngân hàng làm gia tăng việc sử dụng đồng tiền của các nước để chi trả lẫn nhau. Thanh toán quốc tế đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong hoạt động của nền kinh tế của các quốc gia hiện nay. Trước hết, thanh toán quốc tế diễn ra trên phạm vi toàn cầu, phục vụ các giao dịch thương mại, đầu tư, hợp tác quốc tế thông qua mạng lưới ngân hàng thế giới. Thanh toán quốc tế khác với thanh toán trong nước là ở đây nó liên quan đến việc trao đổi tiền của quốc gia này lấy tiền của quốc gia khác. Vì vậy khi ký kết các hợp đồng mua bán ngoại thương các bên phải thỏa thuận với nhau lấy đồng tiền của nước nào là tiền tệ tính toán và thanh toán trong hợp đồng, đồng thời phải tính toán thận trọng để lựa chọn các biện pháp phòng chống rủi ro khi tỷ giá hối đoái biến động. Có thể hiểu:

Thanh toán quốc tế là quá trình thực hiện các khoản thu chi tiền tệ quốc tế thông qua hệ thống ngân hàng trên thế giới nhằm phục vụ cho các mối quan hệ trao đổi quốc tế phát sinh giữa các nước với nhau.

1.2. Đặc điểm của thanh toán quốc tế

[Type here]

- Hoạt động thanh toán quốc tế chịu sự điều chỉnh của luật pháp và các tập quán quốc tế. Hoạt động thanh toán quốc tế liên quan đến các chủ thể ở hai hay nhiều quốc gia, do đó, các chủ thể khi tham gia vào hoạt động thanh toán quốc tế không những chịu sự điều chỉnh của luật quốc gia, mà còn phải tuân thủ các văn bản pháp lý quốc tế. Phòng thương mại quốc tế ban hành UCP, URC, INCOTERMS... tạo ra một khung pháp lý bình đẳng, công bằng cho các chủ thể khi tham gia vào hoạt động thương mại và thanh toán quốc tế, tránh những hiểu lầm đáng tiếc xảy ra.

- Hoạt động thanh toán quốc tế được thực hiện phần lớn thông qua hệ thống ngân hàng. Trừ một số lượng rất nhỏ hàng hóa xuất nhập khẩu được mua bán qua con đường tiêu ngạch thì hầu hết kim ngạch xuất nhập khẩu của một quốc gia được phản ánh qua doanh số thanh toán quốc tế của hệ thống ngân hàng thương mại. Trong thực tiễn, người xuất khẩu và người nhập khẩu không được phép tiến hành thanh toán trực tiếp cho nhau, mà theo luật định phải thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Việc thanh toán qua ngân hàng đảm bảo cho các khoản chi trả được thực hiện một cách an toàn, nhanh chóng và hiệu quả.

- Trong thanh toán quốc tế, tiền mặt hầu như không được sử dụng trực tiếp mà dùng các phương tiện thanh toán. Các phương tiện thường được sử dụng trong thanh toán quốc tế như hối phiếu, kỳ phiếu và séc thanh toán.

- Trong thanh toán quốc tế, ít nhất một trong hai bên có liên quan đến ngoại tệ. Do việc liên quan đến ngoại tệ, nên hoạt động thanh toán quốc tế sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp của tỷ giá hối đoái và vấn đề quản lý dự trữ ngoại hối của quốc gia.

- Ngôn ngữ sử dụng trong thanh toán quốc tế chủ yếu bằng tiếng Anh.

- Giải quyết tranh chấp chủ yếu bằng luật quốc tế.

1.3. Vai trò của thanh toán quốc tế

Đối với nền kinh tế: Thanh toán quốc tế góp phần mở rộng và thúc đẩy quan hệ kinh tế đối ngoại, tăng cường vị thế kinh tế của mỗi quốc gia trên thị trường quốc tế, tạo cầu nối giữa các quốc gia trong quan hệ thanh toán.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh XNK: Thanh toán quốc tế phục vụ nhu cầu thanh toán cho hàng hóa và dịch vụ XNK của doanh nghiệp.

Đối với các ngân hàng thương mại: Thanh toán quốc tế tạo doanh thu dịch vụ, thúc đẩy các hoạt động khác của ngân hàng phát triển.

2. Cán cân thanh toán quốc tế

2.1. Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc ghi chép

a. Khái niệm:

Theo định nghĩa của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) thì Cán cân thanh toán quốc tế (The Balance of Payments – BP) là một báo cáo thống kê tổng hợp có hệ thống, ghi chép lại giá trị tất cả các giao dịch kinh tế giữa một nước với phần còn lại của thế giới trong một thời kỳ nhất định (thường là 1 năm).

Trước Đại chiến thế giới lần thứ II, mỗi quốc gia lập cán cân thanh toán quốc tế theo cách riêng của mình. Khi IMF được thành lập (1945) đã công bố một mẫu thống nhất để áp dụng cho các nước thành viên. Để nhất quán, IMF đã quy định chỉ ghi chép vào cán cân thanh toán của mỗi quốc gia các giao dịch ngoại tệ giữa “người cư trú” và “người không cư trú” của quốc gia đó.

[Type here]

“Người cư trú” và “không cư trú” là các cá nhân, các hộ gia đình, các công ty, các cơ quan đại diện cho các quốc gia, các tổ chức quốc tế... Căn cứ xác định “người cư trú” và “không cư trú” chủ yếu dựa vào quy định về thời gian sinh sống, làm việc liên tục (không căn cứ vào quốc tịch) cần thiết tại quốc gia đó của nước sở tại, thường là 1 năm (một số quốc gia quy định là hơn 6 tháng – 183 ngày trở lên). Quốc tịch và người cư trú không nhất thiết phải trùng nhau (một người mang quốc tịch Việt Nam nhưng lại sinh sống, cư trú tại nước khác và ngược lại). Tuy nhiên, vẫn có một số ngoại lệ:

- Công dân của quốc gia khác đến học tập, du lịch, chữa bệnh không kể thời gian dài hay ngắn đều được coi là “người không cư trú”. Ngược lại, các công dân đi học tập, chữa bệnh, du lịch ở nước ngoài không kể thời gian dài hay ngắn đều được coi là “người cư trú”.

- Các cơ quan và những người làm việc tại các cơ quan đại diện cho Chính phủ các quốc gia (đại sứ quán), cho các tổ chức quốc tế (IMF, WB, UN, WTO...) đều được coi là “người không cư trú”.

- Các công ty xuyên quốc gia có chi nhánh ở nhiều nước khác nhau thì chỉ những chi nhánh ở nước sở tại mới được coi là “người cư trú”.

Tất cả các khoản thu chi phản ánh trên cán cân thanh toán quốc tế phải được tính thống nhất theo một đồng tiền nhất định, có thể là ngoại tệ hoặc nội tệ nhưng thường là các đồng tiền mạnh.

Theo Pháp lệnh quản lý ngoại hối của Việt Nam hiện hành thì “người cư trú” được quy định là các tổ chức, cá nhân bao gồm:

- Tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam
- Tổ chức kinh tế được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam
- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam;
- Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại nước ngoài;
- Văn phòng đại diện tại nước ngoài của các tổ chức kể trên
- Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam; công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng; công dân Việt Nam làm việc tại các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại nước ngoài, văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế... và các cá nhân đi theo họ;
- Công dân Việt Nam đi du lịch, học tập, chữa bệnh và thăm viếng ở nước ngoài;
- Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn từ 12 tháng trở lên, trừ các trường hợp người nước ngoài học tập, chữa bệnh, du lịch hoặc làm việc cho cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Người không cư trú là các đối tượng không thuộc đối tượng là người cư trú kể trên.

b. Ý nghĩa của cán cân thanh toán quốc tế

Cán cân thanh toán quốc tế phản ánh kết quả của hoạt động trao đổi đối ngoại của nước đó với các nước khác. Cho biết một cách trực quan tình trạng công nợ của một quốc gia tại một thời điểm nhất định. Cán cân bội thu hay bội chi cho biết nước đó là chủ nợ hay đang mắc nợ nước ngoài. Cán cân thanh toán quốc tế phản ánh địa vị kinh tế của một

[Type here]

quốc gia trên trường quốc tế. Địa vị này là kết quả tổng hợp của các hoạt động thương mại, dịch vụ và các chính sách rút vốn ra khỏi nước khác.

Cán cân thanh toán quốc tế biểu hiện một cách chính xác, rõ ràng về tài chính, tiền tệ và chính sách thương mại của quốc gia. Cán cân thanh toán quốc tế thể hiện mối quan hệ thương mại giữa các quốc gia với nhau.

Cán cân thanh toán quốc tế phản ánh cung cầu ngoại tệ của một quốc gia, có ảnh hưởng to lớn đến tỷ giá hối đoái, chính sách tỷ giá, chính sách tiền tệ quốc gia. Do vậy, cán cân thanh toán quốc tế là một căn cứ quan trọng để các quốc gia đưa ra các chính sách vĩ mô phù hợp. Một hệ thống số liệu tốt hay xấu trên cán cân có thể ảnh hưởng đến tỷ giá từ đó sẽ tạo ra những biến động trong phát triển kinh tế - xã hội. Thực trạng của cán cân làm cho nhà hoạch định chính sách thay đổi nội dung chính sách kinh tế. Chẳng hạn, thâm hụt cán cân thanh toán có thể làm chính phủ nâng lãi suất lên hoặc giảm bớt chi tiêu công cộng để giảm chi về nhập khẩu. Do đó chính phủ dựa vào cán cân để thiết kế chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và có những đối sách thích hợp cho từng thời kỳ.

c. Nguyên tắc ghi chép của cán cân thanh toán quốc tế

** Ghi nợ và ghi có*

Từ góc độ một nước, các giao dịch kinh tế (hoạt động trao đổi giá trị) có hai trường hợp:

- Giảm lượng giá trị (tiền chuyển ra nước ngoài) tức là thực hiện thanh toán cho nước ngoài.

- Tăng lượng giá trị (tiền chuyển vào trong nước) tức là nhận được thanh toán từ nước ngoài.

Mỗi giao dịch kinh tế sẽ được hạch toán đồng thời vào hai khoản mục của cán cân thanh toán gọi là khoản có và khoản nợ (ghi nợ và ghi có). Ghi nợ phản ánh lượng giá trị bị giảm xuống (khoản chuyển ra nước ngoài) và được ghi dấu âm (-) trong cán cân thanh toán. Ghi có phản ánh lượng giá trị tăng lên (khoản nhận được từ nước ngoài) và được ghi dấu dương (+) trong cán cân thanh toán. Việc phân biệt khoản nợ hoặc có thể dựa vào luồng di chuyển giá trị hoặc luồng thanh toán.

Nói chung, khoản thanh toán cho nước ngoài (khoản nợ) cho biết lượng ngoại tệ mà chủ thể một nước đã thực sự thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ, tiền tệ và tài sản nhập khẩu (nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, chuyển dịch một chiều cho người nước ngoài như tặng quà cho người nước ngoài, đầu tư của người bản xứ ra nước ngoài...). Ngược lại, các khoản được thanh toán từ nước ngoài (khoản có) cho lượng ngoại tệ mà chủ thể kinh tế thu được từ xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, tiền tệ và tài sản ra nước ngoài (xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, nhận được quà biếu tặng từ nước ngoài, nhận đầu tư từ nước ngoài...). Khoản tiền thanh toán (khoản nợ) là lượng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài (lượng tiền ra) – làm tăng cầu ngoại tệ. Còn khoản tiền nhận được (khoản có) là lượng ngoại tệ chuyển vào trong nước – làm tăng cung ngoại tệ. Các giao dịch chưa được thực hiện không được hạch toán vào cán cân thanh toán, tức là cán cân thanh toán quốc tế chỉ hạch toán những giao dịch diễn ra thực sự.

Luồng tư bản (vốn) đi vào một quốc gia có hai hình thức khác nhau là tăng tài sản của người nước ngoài trong quốc gia hoặc làm giảm tài sản của quốc gia ở nước ngoài. Ví

[Type here]

dụ người dân Nhật mua cổ phần ở các công ty ở Việt Nam (nắm giữ cổ phần) thì tài sản của Nhật ở nước ngoài tăng lên đồng thời Việt Nam nhận được một khoản tiền vốn. Đó là luồng vốn đi vào Việt Nam và khoản này được ghi có trong cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam. Còn đối với Nhật thì có một luồng vốn đi ra (để mua các cổ phần ở Việt Nam). Khi người Nhật không muốn nắm giữ cổ phần ở các Công ty ở Việt Nam (bán cổ phần ở nước ngoài) thì tài sản của người Nhật ở nước ngoài giảm đi đồng thời có một luồng vốn đi vào Nhật do bán cổ phần. Khoản này được ghi có vào cán cân thanh toán quốc tế của Nhật.

Luồng tư bản đi ra biểu hiện tăng tài sản của quốc gia ở nước ngoài (đầu tư ra nước ngoài) hoặc giảm tài sản nước ngoài ở trong quốc gia vì cả hai hành vi này đều thể hiện sự thanh toán cho người ngoại quốc. Ví dụ, người dân Việt Nam mua trái phiếu của Đài Loan, khoản giao dịch này làm tăng tài sản của Việt Nam ở nước ngoài nhưng làm giảm lượng tiền trong nước (tiền đi ra) và được ghi nợ trong cán cân thanh toán. Một công ty Đài Loan bán chi nhánh của mình tại Việt Nam cho người Việt Nam tức là giảm tài sản nước ngoài tại Việt Nam và cũng ghi nợ trong cán cân thanh toán vì khoản giao dịch này thể hiện sự thanh toán cho người nước ngoài.

Như vậy có thể thấy, các giao dịch chuyển tiền quốc tế được phản ánh vào bên Có và bên Nợ của cán cân thanh toán.

- Bên Có: phản ánh các khoản thu tiền của người nước ngoài tức là những khoản giao dịch mang về cho quốc gia một số lượng ngoại tệ nhất định.

- Bên Nợ: phản ánh các khoản chi tiền ra thanh toán cho người nước ngoài tức là những khoản giao dịch làm cho quỹ ngoại tệ ở trong nước giảm đi.

** Nguyên tắc hạch toán*

Hạch toán trong giao dịch quốc tế được thực hiện theo nguyên tắc ghi sổ kép (double entry) tương tự như trong kinh doanh. Có nghĩa là mỗi một khoản giao dịch được ghi chép ít nhất hai lần, một lần ghi nợ và một lần ghi có với số lượng bằng nhau. Nguyên tắc ghi chép này được dựa trên cơ sở là mỗi một giao dịch đều tồn tại hai mặt. Chúng ta bán một tài sản (giảm tài sản) thì chúng ta phải nhận được sự thanh toán chi trả (tăng một tài sản khác). Ngược lại, chúng ta mua một tài sản nào đó (tăng tài sản) thì chúng ta phải thực hiện thanh toán chi trả (giảm một tài sản khác). Nguyên tắc ghi sổ kép được thể hiện qua một số ví dụ dưới đây:

Ví dụ 1: Một công ty của Việt Nam xuất khẩu lô hàng A trị giá 500.000USD sang EU. Trong cán cân thanh toán sẽ ghi có 500.000USD thu từ xuất khẩu hàng hóa. Việc xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài sẽ làm giảm lượng hàng hóa trong nước (tức là tăng lượng hàng hóa của Việt Nam ở nước ngoài - giảm tài sản trong nước) nên phải ghi nợ. Giao dịch này được ghi chép vào cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam như sau:

Nợ (-)	Có (+)
Tăng tài sản VN ở nước ngoài (giảm tài sản ở trong nước): 500.000USD	Xuất khẩu hàng hóa: 500.000USD

Ví dụ 2: Một công ty của Việt Nam nhập khẩu lô hàng B trị giá 500.000USD từ EU. Trong cán cân thanh toán sẽ ghi nợ 500.000USD chi cho nhập khẩu hàng hóa (tiền đi ra). Việc nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài sẽ làm tăng lượng hàng hóa trong nước (tức là tăng lượng hàng hóa của nước ngoài tại Việt Nam) nên phải ghi có - tăng tài sản của nước

[Type here]

ngoài ở Việt Nam. Giao dịch này được ghi chép vào cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam như sau:

Nợ (-)	Có (+)
Nhập khẩu hàng hóa: 500.000USD	Tăng tài sản nước ngoài ở Việt Nam (tăng tài sản ở trong nước): 500.000USD

Ví dụ 3: Một công dân Việt Nam đi du lịch ở Trung Quốc và chi tiêu hết 2000USD ở Trung Quốc cho việc ăn, ở, đi lại. Trong hoạt động này, công dân Việt Nam đã chi trả 2000USD (dòng tiền ra – ghi nợ) để nhận được các dịch vụ về ăn, ở, đi lại từ người Trung Quốc (tăng tài sản của nước ngoài tại Việt Nam – các dịch vụ nhận được, ghi có). Giao dịch này được ghi chép vào cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam như sau:

Nợ (-)	Có (+)
Dịch vụ du lịch mua từ nước ngoài: 2000USD	Tăng tài sản của nước ngoài tại Việt Nam: 2000USD

Ví dụ 4: Một công dân Việt Nam mua trái phiếu của Nhật Bản, trị giá 200.000USD. Nghiệp vụ này làm phát sinh dòng ngoại tệ đi ra từ Việt Nam để thanh toán cho việc mua trái phiếu (ghi nợ) đồng thời làm tăng tài sản của nước ngoài tại Việt Nam (ghi có) do người Việt Nam sẽ giữ các trái phiếu của Nhật. Giao dịch này được ghi chép vào cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam như sau:

Nợ (-)	Có (+)
Mua trái phiếu từ nước ngoài (vốn đi ra): 200.000USD	Tăng tài sản của Việt Nam tại nước ngoài: 200.000USD

2. 2. Nội dung của cán cân thanh toán quốc tế

2.2.1. Cán cân vãng lai (tài khoản vãng lai)

Cán cân vãng lai (tài khoản vãng lai) ghi lại các giao dịch về hàng hóa, dịch vụ và các khoản chuyển tiền qua lại. Khoản mục cán cân vãng lai được chia thành 4 nhóm nhỏ: thương mại hàng hoá, dịch vụ, yếu tố thu nhập, chuyển tiền thuần.

Cán cân vãng lai trong cán cân thanh toán của một quốc gia ghi chép những giao dịch về hàng hóa và dịch vụ giữa người cư trú với người không cư trú. Những giao dịch dẫn tới sự thanh toán của người cư trú cho người không cư trú được ghi vào bên "nợ" – tiền đi ra (theo truyền thống kế toán sẽ được ghi bằng mực đỏ). Còn những giao dịch dẫn tới sự thanh toán của người không cư trú cho người cư trú được ghi vào bên "có" (ghi bằng mực đen). Thặng dư tài khoản vãng lai xảy ra khi bên "có" lớn hơn bên "nợ".

Theo quy tắc mới về biên soạn báo cáo cán cân thanh toán quốc gia do IMF soạn năm 1993, tài khoản vãng lai bao gồm:

- Cán cân thương mại
- Cán cân dịch vụ
- Cán cân thu nhập
- Chuyển tiền đơn phương (chuyển tiền thuần)

Tất cả các khoản thanh toán của các bộ phận nhà nước hay tư nhân đều được gộp chung vào trong tính toán này.

Tài khoản vãng lai thặng dư khi quốc gia xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu, hay khi tiết kiệm nhiều hơn đầu tư. Ngược lại, tài khoản vãng lai thâm hụt khi quốc gia nhập nhiều hơn hay

[Type here]

đầu tư nhiều hơn. Mức thâm hụt tài khoản vãng lai lớn hàm ý quốc gia gặp hạn chế trong tìm nguồn tài chính để thực hiện nhập khẩu và đầu tư một cách bền vững. Theo cách đánh giá của IMF, nếu mức thâm hụt tài khoản vãng lai tính bằng phần trăm của GDP lớn hơn 5, thì quốc gia bị coi là có mức thâm hụt tài khoản vãng lai không lành mạnh

a. Cán cân thương mại: (Cán cân hữu hình)

Cán cân này phản ánh những khoản thu chi về xuất nhập khẩu hàng hoá trong một thời kỳ nhất định.

Khi cán cân thương mại thặng dư điều này có nghĩa là nước đó đã thu được từ xuất khẩu nhiều hơn phải trả cho nhập khẩu. Ngược lại, cán cân bội chi phản ánh nước đó nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu.

Nguyên tắc ghi chép:

+ Khi xuất khẩu, trị giá hàng xuất khẩu được phản ánh vào bên Có. Xuất khẩu làm phát sinh cung ngoại tệ và cầu nội tệ trên thị trường ngoại hối

+ Khi nhập khẩu, trị giá hàng nhập khẩu được phản ánh vào bên Nợ. Nhập khẩu làm phát sinh cầu ngoại tệ.

Cán cân thương mại là yếu tố quan trọng quyết định đến vị trí của cán cân thanh toán quốc tế. Các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân thương mại sẽ là những nhân tố ảnh hưởng cán cân thanh toán quốc tế. Các yếu tố này bao gồm:

- Tỷ giá hối đoái: Khi các nhân tố khác không đổi, nếu tỷ giá thay đổi sẽ làm thay đổi giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và làm thay đổi cán cân thương mại.

- Lạm phát: Khi các nhân tố khác không đổi, nếu tỷ lệ lạm phát của một nước cao hơn ở nước ngoài, sẽ làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa này trên thị trường quốc tế (giá cả hàng hóa đắt hơn so với các nước khác). Do đó, ảnh hưởng đến khối lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng) và ảnh hưởng đến cán cân thương mại.

- Thu nhập của người không cư trú: Khi các nhân tố khác không đổi, nếu thu nhập thực tế của người không cư trú tăng lên làm cho tăng cầu hàng hóa đối với người cư trú (xuất khẩu tăng) và ngược lại.

- Thuế quan và hạn ngạch ở nước ngoài: Với các yếu tố khác không đổi, giá trị xuất khẩu của một nước sẽ giảm đi nếu thuế quan ở các nước khác tăng lên và ngược lại, do đó ảnh hưởng đến cán cân thương mại. Khi thuế quan ở một nước giảm đi thì sẽ làm tăng nhu cầu nhập khẩu đối với nước này và kết quả là cán cân thương mại cũng bị ảnh hưởng.

b. Cán cân dịch vụ

Phản ánh các khoản thu chi từ các hoạt động dịch vụ về vận tải (cước phí vận chuyển thuê tàu, bến bãi...), du lịch, bưu chính, viễn thông, hàng không, ngân hàng, thông tin, xây dựng, cổ vấn pháp luật, dịch vụ kỹ thuật, bản quyền, bằng phát minh và các dịch vụ khác

Thực chất của cán cân dịch vụ là cán cân thương mại nhưng gắn với việc xuất nhập khẩu dịch vụ.

Nguyên tắc ghi chép:

+ Xuất khẩu dịch vụ (phản ánh bên Có).

+ Nhập khẩu dịch vụ (phản ánh bên Nợ).

[Type here]

Các nhân tố ảnh hưởng đến cán cân thương mại cũng là những nhân tố ảnh hưởng đến cán cân dịch vụ.

c. Cán cân thu nhập (Yếu tố thu nhập):

Phản ánh các dòng tiền về thu nhập chuyển vào và chuyển ra một quốc gia bao gồm:

- Thu nhập của người lao động (tiền lương, tiền thưởng, thu nhập khác...) do người không cư trú trả cho người cư trú và ngược lại.

- Thu nhập từ hoạt động đầu tư là các khoản thu được từ lợi nhuận đầu tư trực tiếp như thu nhập từ hoạt động FDI, ODA; các khoản thanh toán và được thanh toán từ tiền lãi, cổ tức đến những khoản thu nhập từ đầu tư ở nước ngoài do người không cư trú trả cho người cư trú và ngược lại.

Nguyên tắc ghi chép:

- + Thu nhập nhận được của người cư trú từ người không cư trú phản ánh bên Có (làm tăng cung ngoại tệ).

- + Khi người cư trú chi trả, thanh toán, chuyển thu nhập cho người không cư trú được phản ánh bên Nợ (làm giảm cung ngoại tệ).

Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động ở nước ngoài bao gồm các nhân tố số lượng, chất lượng của người lao động. Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập từ đầu tư là số lượng đầu tư và tỷ lệ sinh lời của các dự án đã đầu tư. Nhìn chung, nhân tố tỷ giá có ảnh hưởng không lớn đến cán cân thu nhập.

d. Chuyển tiền đơn phương (chuyển tiền thuần, chuyển giao một chiều):

Bao gồm các khoản chuyển giao một chiều không được hoàn lại như viện trợ không hoàn lại; khoản bồi thường, quà tặng, quà biếu; trợ cấp tư nhân, trợ cấp chính phủ do người không cư trú trả cho người cư trú và ngược lại. Nhân tố chính ảnh hưởng đến chuyển tiền đơn phương là lòng tốt, tình cảm và mối quan hệ giữa người cư trú và người không cư trú.

Nguyên tắc ghi chép:

- + Các khoản thu đơn phương được xem như tăng thu nhập nội địa do thu được từ nước ngoài, làm tăng cung ngoại tệ (phản ánh vào bên Có).

- + Các khoản phải trả đơn phương do phải thanh toán cho người nước ngoài phát sinh cầu ngoại tệ (phản ánh vào bên Nợ).

Như vậy:

Cán cân vãng lai bằng (=) Cán cân thương mại cộng (+) Cán cân dịch vụ cộng (+) Cán cân thu nhập cộng (+) Chuyển tiền đơn phương. Trong đó, cán cân thương mại là bộ phận chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cán cân vãng lai.

2.2.2. Cán cân vốn và tài chính

Phản ánh sự chuyển dịch tư bản của một nước với các nước khác (luồng vốn được đầu tư vào hay đầu tư ra của một quốc gia). Các luồng vốn gồm hai loại: luồng vốn ngắn hạn và luồng vốn dài hạn. Cán cân vốn và tài chính cũng bao gồm hai loại: cán cân vốn ngắn hạn và cán cân vốn dài hạn.

a. Cán cân vốn ngắn hạn: Ghi chép các giao dịch về các khoản vốn ngắn hạn như tín dụng thương mại, tín dụng ngắn hạn ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Các giao dịch dẫn đến vốn ngắn hạn đi vào (vay ngắn hạn ngân hàng nước ngoài, nợ nhà cung cấp nước ngoài...) được ghi vào bên Có của cán cân thanh toán quốc tế.

[Type here]

Các giao dịch dẫn đến vốn ngắn hạn đi ra (trả nợ cho nhà cung cấp nước ngoài, trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng nước ngoài...) được ghi vào bên Nợ của cán cân thanh toán quốc tế.

b. Cán cân vốn dài hạn: Ghi chép các giao dịch về các khoản vốn dài hạn bao gồm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các khoản tín dụng quốc tế dài hạn, các khoản đầu tư gián tiếp, các khoản vốn chuyển giao một chiều

* Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Khi người nước ngoài trực tiếp đầu tư vào Việt Nam (FDI chảy vào) phản ánh bên Có và khi FDI chảy ra phản ánh bên Nợ của cán cân thanh toán quốc tế.

* Các khoản tín dụng quốc tế dài hạn bao gồm tín dụng thương mại dài hạn và tín dụng ưu đãi dài hạn:

+ Tín dụng thương mại dài hạn: khoản vay hoặc cho vay của các tổ chức tín dụng nước ngoài theo điều kiện thực tế. Khi đi vay phản ánh bên Có và khi cho vay hoặc trả nợ thì phản ánh bên Nợ của cán cân thanh toán quốc tế.

+ Tín dụng ưu đãi dài hạn bao gồm các khoản vay ODA. Khi đi vay phản ánh bên Có và khi cho vay phản ánh bên Nợ của cán cân thanh toán quốc tế.

* Các khoản đầu tư gián tiếp khác bao gồm các khoản mua, bán cổ phiếu, trái phiếu quốc tế nhưng chưa đạt đến số lượng kiểm soát công ty.

Nếu bán cổ phiếu, trái phiếu cho người không cư trú (tức là vốn vào) thì phản ánh bên Có. Nếu mua cổ phiếu trái phiếu của người không cư trú (vốn ra) phản ánh bên Nợ.

c. Các khoản vốn chuyển giao một chiều (không hoàn lại): bao gồm các khoản viện trợ không hoàn lại cho mục đích đầu tư và các khoản nợ được xoá, tài sản của người di cư.

Cán cân vốn thặng dư khi số phát sinh Có lớn hơn (>) số phát sinh Nợ có nghĩa là tổng tiền vốn đầu tư vào lớn hơn (>) tổng số vốn đầu tư ra và trả nợ.

2.2.3. Lỗi và sai sót

Khoản mục này nếu có là do sự sai lệch về thống kê do nhầm lẫn, bỏ sót hoặc không thu thập được số liệu. Nguyên nhân là do những ghi chép của những khoản thanh toán hoặc hoá đơn quốc tế được thực hiện vào những thời gian khác nhau, địa điểm khác nhau và có thể bằng những phương pháp khác nhau. Do vậy, những ghi chép này để xây dựng những thống kê của cán cân thanh toán quốc tế chắc chắn không hoàn hảo. Từ đó, dẫn đến những sai số thống kê.

2.2.4. Cán cân tổng thể

Nếu công tác thống kê đạt mức chính xác tức lỗi và sai sót bằng không thì cán cân tổng thể là tổng của cán cân vãng lai và cán cân vốn.

Cán cân tổng thể = Cán cân vãng lai + Cán cân vốn + Lỗi và sai sót.

Kết quả của khoản mục này thể hiện tình trạng kinh tế đối ngoại của một quốc gia trong một thời kỳ hoặc tại một thời điểm. Nếu kết quả của cán cân thanh toán mang dấu dương (+) tức là thu ngoại tệ của quốc gia đã (sẽ) tăng thêm. Nếu kết quả của cán cân thanh toán mang dấu âm (-) tức là thu ngoại tệ của quốc gia giảm hoặc sẽ giảm thấp.

2.5. Tài trợ chính thức (Cán cân bù đắp chính thức)